

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 21/8/2018

(V/v: *Ly hôn, nuôi con chung*).

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT - TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Hồ Khắc Tuấn.

2/ Bà Phan Thị Thanh Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thái – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 391/2018/TLST-HNGĐ ngày 27/6/2018 về việc “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 244/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/8/2018 giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Lê Hoàng Như T – sinh năm 1993 (Có mặt).

Nơi cư trú: khu phố L, thị trấn M, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông Phạm Khắc Minh T – sinh năm 1989 (Có mặt).

Nơi cư trú: khu phố 12, phường P, T.p P, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại nội dung đơn kiện, bản khai nguyên đơn trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Lê Hoàng Như T và ông Phạm Khắc Minh T chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố P vào ngày 20/3/2015.

Trong quá trình chung sống: thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, thời gian sau thì giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng trong việc tiền bạc, do không thể chung sống với nhau được nữa nên bà T về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 11/2017 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Trong thời gian sống xa nhau hai bên gia đình cũng đã gặp nhau hòa giải nhưng vẫn không có kết quả. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn ông Phạm Khắc Minh T.

- Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Phạm Nguyễn Minh T (nữ) – sinh ngày 01/11/2015. Sau khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu ông T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà T trình bày: vẫn giữ ý kiến trên, bà T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, vợ chồng đã tự sống xa nhau từ tháng 11/2017 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông T. Về con chung: có 01 cháu tên Phạm Nguyễn Minh T (hiện nay cháu T đang sống với bà T) sau khi ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu ông T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại nội dung bản khai, biên bản hòa giải bị đơn trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Khắc Minh T và bà Nguyễn Lê Hoàng Như T chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố P vào ngày 20/3/2015.

Trong quá trình chung sống: thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng thời gian sau này vợ chồng không có tiếng nói chung, đôi lúc vợ chồng có lời qua tiếng lại nhưng mâu thuẫn không lớn. Từ cuối năm 2017 vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do cách sống không hợp nhau nên có lời qua tiếng lại với nhau, bà T dọn đồ về nhà cha mẹ sinh sống, ông T có lên xuống mấy lần nhưng nhận thấy tình cảm vợ chồng có gì đó xa cách, bà T không gần gũi với chồng nữa. Nay bà T làm đơn xin hôn ông T không đồng ý vì vợ chồng không có mâu thuẫn lớn, bản thân còn thương vợ con.

Tại biên bản hòa giải ngày 06 tháng 8 năm 2018, ông T đồng ý thuận tình ly hôn với bà Thảo.

- Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Phạm Nguyễn Minh T (nữ) – sinh ngày 01/11/2015. Sau khi ly hôn ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu bà T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông T trình bày: Mặc dù vợ chồng cũng có mâu thuẫn nhưng không lớn, ông T vẫn làm tròn trách nhiệm làm chồng, làm cha nhưng từ năm 2017 bà T về nhà cha mẹ ruột sinh sống thì có thái độ hoàn toàn khác, có gì đó không muốn sống chung với ông T. Bản thân ông T cũng muốn hòa giải nhưng bà T không đồng ý gặp, nên vợ chồng không còn chung sống với nhau từ cuối năm 2017 cho đến nay. Nay bà T cương quyết ly hôn ly hôn, ông T đồng ý. Về con chung: sau khi ly hôn ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu bà T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:** Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, Viện kiểm sát có ý kiến như sau :

- Về tố tụng: từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn mở phiên tòa, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Tại phiên tòa hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tiến hành các trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật và chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

- Về nội dung: Viện kiểm sát thấy rằng tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã thể hiện hôn nhân của ông Phạm Khắc Minh T và bà Nguyễn Lê Hoàng Như T là hợp pháp, ông bà tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố P vào ngày 20/3/2015. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không thể hàn gắn được với nhau nên đã tự quyết định sống xa nhau gần 2 năm nay, tại phiên tòa ông T cũng đồng ly hôn, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 55 Luật HNGĐ 2014 đề nghị HĐXX xử công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Lê Hoàng Như T và ông Phạm Khắc Minh T.

Về con chung: Xét thấy cháu Phạm Nguyễn Minh T (nữ) – sinh ngày 01/11/2015 còn nhỏ, hơn nữa cháu là con gái nên việc giao con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý. Do đó căn cứ Điều 58, Điều 81, Điều 83 Luật HNGĐ 2014 đề nghị HĐXX xử giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng tiền nuôi con, ông T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T, bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Viện kiểm sát không có ý kiến.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát thành phố Phan Thiết, hội đồng xét xử nhận định :

*** Về tố tụng dân sự:** Bà Nguyễn Lê Hoàng Như T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung. Bị đơn là ông Phạm Khắc Minh T hiện cư trú tại khu phố 12, phường P, thành phố P. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án P.

*** Về quan hệ hôn nhân:** Hôn nhân của ông Phạm Khắc Minh T và bà Nguyễn Lê Hoàng Như T là hợp pháp, ông bà tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố P vào ngày 20/3/2015.

Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và đã sống xa nhau từ tháng 11/2017 cho đến nay. Tại phiên tòa, ông T và bà T đều đồng ý ly hôn như vậy chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và việc thỏa thuận này cũng phù hợp nên HĐXX công nhận việc thuận tình ly hôn của bà T, ông T.

- **Về con chung:** Ông bà có 01 con chung tên Phạm Nguyễn Minh Th (nữ) – sinh ngày 01/11/2015. Sau khi ly hôn cả ông T và bà T đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th, xét thấy tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình quy định: “...Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng...”; Cháu Th chưa đủ 36 tháng tuổi, là con gái và hiện đang sinh sống với bà T vì vậy nên tiếp tục giao cháu Th cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Từ nhận định trên nên yêu cầu của ông T về việc được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th sau khi ly hôn là không thể chấp nhận.

- **Về mức cấp dưỡng và phương thức thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng:** Do bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng tiền nuôi con nên HĐXX không xét.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Ông T, bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

- **Về án phí:** Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí về việc xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/ Áp dụng: khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Khắc Minh T và bà Nguyễn Lê Hoàng Như T.

- Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Phạm Nguyễn Minh Th (nữ) – sinh ngày 01/11/2015 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về mức cấp dưỡng và phương thức thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

- Về án phí: Bà Nguyễn Lê Hoàng Như T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ngày 27/6/2018 bà T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết thu theo biên lai số 0020826, nay chuyển sang án phí và sung công quỹ nhà nước.

- Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt các đương sự. Bà T, ông T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/8/2018).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân P;
- Toà án tỉnh Bình Thuận;
- Thi hành án dân sự P;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Huấn